

Bản án số: 65/2023/DS-ST
Ngày: 12-06-2023.
V/v tranh chấp Hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Đoàn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đinh Kim Hoàng.

2/ Bà Võ Thanh Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2022/TLST - DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NHTMCPSGTT.

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 NKKN, phường VTS, Quận A, Thành phố HCM.

Người đại diện hợp pháp: Ông TLN, sinh năm 1978 “có mặt”.

(Giấy ủy quyền số 418/2022/UQ-TGD ngày 25/08/2022).

Bị đơn: Ông ĐTP, sinh năm 1975 “vắng mặt”.

Địa chỉ: 257/31 ĐVB, Phường B, Quận X, Thành phố HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông TLN trình bày: Vào ngày 05/01/2019, ông ĐTP có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với NHTMCPSGTT. Căn cứ vào thu nhập của ông ĐTP, NHTMCPSGTT đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 199.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông ĐTP đã thực hiện các giao dịch với tổng số

tiền là 3.781.116.043 đồng và đã thanh toán cho NHTMCPSGTT số tiền tổng cộng là 3.552.626.918 đồng. Sau đó, ông ĐTP không tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho NHTMCPSGTT mặc dù đã được ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Do đó, kể từ ngày 06/09/2021, NHTMCPSGTT đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 228.489.125 đồng thành nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,6%/tháng để tính nợ lãi theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do ông ĐTP vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên NHTMCPSGTT đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông ĐTP phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 12/06/2023 tổng cộng là 405.339.740 đồng (trong đó: nợ gốc là 228.489.125 đồng, nợ lãi là 176.850.615 đồng). Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ngoài ra, ông ĐTP còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 13/06/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Thanh toán ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông ĐTP mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai tại tòa. Cụ thể Tòa án đã tổng đạt các văn bản sau đây: Ngày 24/11/2022, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo thụ lý số 153/2022/TB-TLVA và đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý này cho ông ĐTP nhưng sau 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý ông ĐTP vẫn không có ý kiến gì. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông ĐTP đến Tòa án để lấy lời khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông ĐTP đều vắng mặt không có lý do. Do đó trong hồ sơ vụ án không có lời trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông TLN có mặt và xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị bị đơn ông ĐTP phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 12/06/2023 tổng cộng là 405.339.740 đồng (trong đó: nợ gốc là 228.489.125 đồng, nợ lãi là 176.850.615 đồng). Ngoài ra, ông ĐTP còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 13/06/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Thanh toán ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông ĐTP vắng mặt nên không có lời trình bày tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thực hiện đúng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tiến hành theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định tại Điều 220; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ nguyên tắc xét xử về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Điều 222, Điều 223 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ngày 05/01/2019, nguyên đơn là NHTMCPSGTT và bị đơn là ông ĐTP có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Theo đó, ngày 21/01/2019, nguyên đơn đã đồng ý duyệt hạn mức tín dụng cho bị đơn với số tiền là 120.000.000 đồng, không ghi nhận lãi suất, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau đó ông ĐTP đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 3.781.116.043 đồng. Theo bảng kê chi tiết nợ chưa thanh toán của khách hàng ĐTP thì tính đến ngày 15/8/2022 bị đơn chưa thanh toán nợ gốc là 228.489.125 đồng cho ngân hàng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ của ngân hàng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 228.489.125 đồng là có căn cứ.

- Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn: Ngày 06/9/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu là 228.489.125 đồng, áp dụng lại suất nợ quá hạn là 3.6%/tháng (Lãi suất trong hạn 2.4%/tháng x 150%) (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng”.

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi quá hạn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 12/06/2023 là 176.850.615 đồng và tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 13/06/2023 cho đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp:

Xét, NHTMCPSGTT khởi kiện yêu cầu ông ĐTP thanh toán số nợ còn thiếu của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Như vậy, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công an Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung thể hiện

“Ông ĐTP, sinh năm 1975, có hộ khẩu thường trú tại 257/31 ĐVB, Phường B, Quận X, Thành phố HCM. Hiện đương sự không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ”.

Xét, tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng, ông ĐTP có địa chỉ nơi cư trú tại 257/31 ĐVB, Phường B, Quận X, Thành phố HCM. Căn cứ Đơn tường trình của nguyên đơn thì NHTMCPSGTT không biết địa chỉ nào khác của ông ĐTP, ngoại trừ địa chỉ được thể hiện tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, địa chỉ 257/31 ĐVB, Phường B, Quận X, Thành phố HCM được xác định là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của ông ĐTP. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cố tình giấu địa chỉ không báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện như quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 05/01/2019, ông ĐTP ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với NHTMCPSGTT. Căn cứ vào thu nhập của ông ĐTP, NHTMCPSGTT đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 199.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông ĐTP đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 3.781.116.043 đồng và đã thanh toán cho NHTMCPSGTT số tiền tổng cộng là 3.552.626.918 đồng. Sau đó, ông ĐTP không tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho NHTMCPSGTT mặc dù đã được ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Ngày 06/09/2021, NHTMCPSGTT đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 228.489.125 đồng thành nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,6%/tháng để tính nợ lãi theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 16/09/2022, NHTMCPSGTT đã nộp đơn khởi kiện và đã được Tòa án cấp Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện. Như vậy, vụ án dân sự vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

1.4. Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện được việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông ĐTP tại địa chỉ nơi cư trú nhưng ông ĐTP không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không nộp bất cứ tài liệu chứng cứ nào liên quan đến vụ án. Ngày 17/04/2023, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ như Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐXXST-DS và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 16/05/2023 đối với ông ĐTP nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành xét xử vụ án được. Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông TLN có mặt, bị đơn ông ĐTP đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai có mặt tại phiên tòa vào ngày 12/06/2023 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt ông ĐTP.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của NHTMCPSGTT về việc buộc ông ĐTP phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với số tiền là 228.489.125 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của nguyên đơn NHTMCPSGTT thì có cơ sở khẳng định: Ngày 05/01/2019, ông ĐTP có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với NHTMCPSGTT. Căn cứ vào thu nhập của ông ĐTP, NHTMCPSGTT đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 199.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông ĐTP đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 3.781.116.043 đồng và đã thanh toán cho NHTMCPSGTT số tiền tổng cộng là 3.552.626.918 đồng. Như vậy, ông ĐTP còn nợ NHTMCPSGTT số tiền là 228.489.125 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của NHTMCPSGTT về việc buộc ông ĐTP phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ lãi của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) tạm tính đến ngày 12/06/2023 với số tiền là 176.850.615 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/06/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết:

Xét, đây là tranh chấp giữa cá nhân với tổ chức tín dụng nên Tòa án áp dụng lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để giải quyết. Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên đương sự được ghi nhận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của NHTMCPSGTT thì ông ĐTP còn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 12/06/2023 là 176.850.615 đồng. Ngoài ra, ông ĐTP còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 13/06/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về thời hạn thanh toán:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định: Ông ĐTP đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng tín dụng và nguyên đơn cũng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình tránh né thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017 quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận”. Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định mặc dù đã được nguyên đơn NHTMCPSGTT đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn ông ĐTP vẫn cố tình né tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ còn thiếu ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2011;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông ĐTP có trách nhiệm thanh toán cho NHTMCPSGTT số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/06/2023 tổng cộng là 405.339.740 đồng (trong đó: nợ gốc là 228.489.125 đồng, nợ lãi là 176.850.615 đồng).

Thanh toán ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 13/06/2023 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông ĐTP phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của NHTMCPSGTT tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông ĐTP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.213.590 đồng (hai mươi triệu hai trăm mười ba nghìn năm trăm chín mươi đồng).

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 8.070.000 đồng (tám triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) cho NHTMCPSGTT đã nộp theo biên lai số AA/2021/0009228 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đoàn Thanh Trúc